

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 64 /2016/QĐ-UBND
CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ
ĐẾN Giờ:
Ngày: 19/10/2016

An Giang, ngày 20 tháng 9 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý, sử dụng xe ô tô trong các
cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và Ban Quản lý dự án
sử dụng vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng xe ô tô trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Thông tư số 159/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều của Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng xe ô tô trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, sử dụng xe ô tô trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và Ban Quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2016.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận: /

- Chính phủ;
- Công thông tin điện tử Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT. TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công Thông tin điện tử An Giang;
- VPUBND tỉnh: LĐVP, các phòng, ban & Trung tâm;
- Lưu: HCTC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Văn Nung

QUY CHẾ

**Quản lý, sử dụng xe ô tô trong các cơ quan nhà nước, đơn vị
sự nghiệp công lập và Ban Quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước
trên địa bàn tỉnh An Giang**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 64 /2016/QĐ-UBND
ngày 20 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định tiêu chuẩn trang bị, sử dụng xe ô tô phục vụ công tác; chế độ khoán kinh phí, thuê dịch vụ xe ô tô phục vụ công tác của các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí hoạt động, đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị), Ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước (sau đây gọi chung là Ban Quản lý dự án) thuộc tỉnh An Giang quản lý.

2. Xe ô tô phục vụ công tác thuộc phạm vi áp dụng trong Quy chế bao gồm xe ô tô từ 04 đến 16 chỗ ngồi, xe ô tô chuyên dùng phục vụ công tác của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và Ban Quản lý dự án được hình thành từ nguồn vốn ngân sách, có nguồn gốc ngân sách (kể cả viện trợ, quà biếu, tặng cho của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hoặc được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước theo quy định của pháp luật).

3. Đối với xe ô tô phục vụ công tác tại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 159/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn một số Điều của Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ Quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng xe ô tô trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Điều 2. Nguyên tắc trang bị, bố trí, sử dụng xe ô tô phục vụ công tác

Nguyên tắc trang bị, bố trí, sử dụng xe ô tô phục vụ công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và Ban Quản lý dự án thực hiện theo quy định tại Điều 2 Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg và các quy định cụ thể trong Quy chế này nhằm quản lý và sử dụng xe ô tô đúng chế độ, an toàn, tiết kiệm, hiệu quả và đáp ứng yêu cầu công việc chung của cơ quan.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Trang bị, sử dụng xe ô tô phục vụ công tác

1. Bí thư Tỉnh ủy được sử dụng thường xuyên một xe ô tô trong thời gian công tác với giá mua theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

2. Các chức danh: Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội chuyên trách được sử dụng xe ô tô để đưa đón từ nơi ở đến nơi làm việc và đi công tác với giá mua theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

3. Đối với các chức danh có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,7 trở lên (không kể kiêm nhiệm) tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị được trang bị xe ô tô phục vụ công tác chung để đưa đón cán bộ đi công tác từ nguồn xe điều chuyển hoặc mua mới với giá mua theo quy định của Thủ tướng Chính phủ. Không sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung để đưa đón cán bộ từ nơi ở đến nơi làm việc, cụ thể:

a) Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, (như: Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; các sở, ban, ngành và các tổ chức tương đương); Huyện ủy, Thành ủy, Thị ủy; Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố được trang bị tối đa 02 xe ô tô/01 đơn vị.

b) Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các sở, ban, ngành và tổ chức tương đương có chức danh lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,7 trở lên (không kể kiêm nhiệm) được trang bị tối đa 01 xe ô tô/01 đơn vị.

4. Việc trang bị, sử dụng xe ô tô đối với Ban Quản lý dự án được thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 7 Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg và Điều 4 Thông tư số 159/2015/TT-BTC.

5. Trường hợp cần thiết do yêu cầu công tác, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án xem xét, cho phép bố trí xe ô tô của cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án hoặc thuê dịch vụ xe ô tô cho các trường hợp không đủ tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô khi đi công tác.

Điều 4. Trang bị, sử dụng xe ô tô chuyên dùng

1. Xe ô tô chuyên dùng là xe gắn kèm trang thiết bị chuyên dùng hoặc có cấu tạo đặc biệt theo yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ hoặc sử dụng cho nhiệm vụ đặc thù phục vụ yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị - xã hội theo quy định tại Khoản 1, Điều 9 Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg và Khoản 1, Điều 7 Thông tư số 159/2015/TT-BTC. Giá mua xe theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định:

a) Ban hành tiêu chuẩn, định mức (chủng loại, số lượng) xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị và Ban quản lý dự án thuộc tỉnh quản lý sau khi có ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;

b) Quyết định việc mua sắm xe ô tô chuyên dùng (số lượng, chủng loại, mức giá) đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị và Ban quản lý dự án thuộc tỉnh quản lý;

3. Việc trang bị xe ô tô chuyên dùng chỉ được thực hiện theo tiêu chuẩn, định mức đã được ban hành theo quy định tại Điểm a, Khoản 2 Điều này.

Điều 5. Tổ chức quản lý, sử dụng số xe ô tô tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án

Giao cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án tiếp tục quản lý để bố trí xe ô tô phục vụ công tác cho các chức danh có tiêu chuẩn quy định tại Điều 3 Quy chế này như sau:

1. Đối với Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng cơ quan thực hiện:

a) Giao Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Hội đồng nhân dân, Văn phòng Ủy ban nhân dân làm đầu mối thực hiện quản lý toàn bộ số xe ô tô của Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Hội đồng nhân dân, Văn phòng Ủy ban nhân dân và các đơn vị hạch toán phụ thuộc (các Ban và các tổ chức tương đương) có đủ tiêu chuẩn được trang bị xe ô tô để bố trí cho các chức danh có tiêu chuẩn khi đi công tác theo quy định tại Điều 3 Quy chế này.

b) Giao các đơn vị hạch toán độc lập thuộc Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh có đủ tiêu chuẩn trang bị xe ô tô được trực tiếp quản lý, sử dụng xe ô tô để bố trí cho các chức danh có tiêu chuẩn khi đi công tác theo quy định tại Điều 3 Quy chế này.

2. Đối với các sở, ban, ngành và các tổ chức tương đương; Thủ trưởng cơ quan thực hiện:

a) Giao Văn phòng sở, ban, ngành và các tổ chức tương đương quản lý số xe ô tô của sở, ban, ngành và các tổ chức tương đương để bố trí cho các chức danh có tiêu chuẩn khi đi công tác theo quy định tại Điều 3 Quy chế này.

b) Giao các đơn vị hạch toán độc lập thuộc sở, ban, ngành và các tổ chức tương đương có đủ tiêu chuẩn được trang bị xe ô tô được trực tiếp quản lý, sử dụng xe ô tô để bố trí cho các chức danh có tiêu chuẩn khi đi công tác theo quy định tại Điều 3 Quy chế này.

3. Đối với Huyện ủy, Thành ủy, Thị ủy; Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố được trực tiếp quản lý, sử dụng xe ô tô để bố trí cho các chức danh có tiêu chuẩn khi đi công tác theo quy định tại Điều 3 Quy chế này.

Điều 6. Bảo dưỡng, sửa chữa và xử lý xe ô tô

1. Chế độ bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô:

a) Xe ô tô phải được bảo dưỡng thường xuyên và bảo dưỡng định kỳ theo các nội dung quy định tại phụ lục số 1, số 2 Thông tư số 53/2014/TT-BGTVT ngày 20/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định việc bảo dưỡng kỹ thuật, sửa chữa phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

b) Xe ô tô bị hư hỏng, không đảm bảo tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phải được sửa chữa để tiếp tục tham gia giao thông. Trước khi sửa chữa xe ô tô, phải được cơ quan có chức năng kiểm định.

c) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị và Ban Quản lý dự án chịu trách nhiệm quyết định việc bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô được giao quản lý, sử dụng theo quy định về phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

2. Về xử lý xe ô tô:

Việc điều chuyển, bán, thanh lý, thu hồi xe ô tô phải có quyết định của cơ quan có thẩm quyền theo quy định về phân cấp thẩm quyền quản lý, xử lý tài sản nhà nước.

Điều 7. Khoảng cách từ trụ sở cơ quan để bố trí xe ô tô phục vụ công tác chung cho các chức danh có đủ tiêu chuẩn khi đi công tác

Khoảng cách tối thiểu từ trụ sở cơ quan đến địa điểm công tác được bố trí xe ô tô đối với các chức danh quy định tại Khoản 3, Điều 3 Quy chế này tối thiểu là 05 (năm) km trở lên.

Điều 8. Xác định mức khoán kinh phí, thanh toán tiền khoán kinh phí sử dụng xe ô tô cho các chức danh được bố trí xe ô tô phục vụ công tác

1. Đối với các chức danh quy định tại Khoản 2, Điều 3 Quy chế này tự nguyện đăng ký thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô thì thực hiện như sau:

a) Trường hợp đăng ký khoán kinh phí đưa đón từ nơi ở đến nơi làm việc hàng ngày, mức khoán được xác định như sau:

Mức khoán đưa đón (MKđđ) (đồng/tháng)	=	Đơn giá khoán (đồng/km)	x	Số km khoán (km)	x	02 lượt (lượt)	x	Số ngày thực tế đưa đón từ nơi ở ở đến nơi làm việc (ngày)
--	---	-------------------------------	---	------------------------	---	----------------------	---	---

Trong đó:

- Số km khoán là khoảng cách thực tế từ nhà ở đến nơi làm việc của từng chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe đưa đón, do Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị và Ban quản lý dự án xác định;

- 02 lượt: bao gồm 01 lượt đi và 01 lượt về trong một ngày làm việc;

- Số ngày thực tế đưa đón từ nơi ở đến nơi làm việc không bao gồm số ngày đi công tác.

b) Trường hợp đăng ký khoán kinh phí khi đi công tác, mức khoán được xác định như sau:

Mức khoán đi công tác (MKct) (đồng/tháng)	=	Đơn giá khoán (đồng/km)	x	Khoảng cách thực tế đi công tác hàng tháng của từng chức danh (km)
--	---	-------------------------------	---	--

Trong đó: Khoảng cách thực tế đi công tác là số km thực tế đi công tác hàng tháng của từng chức danh được xác định trên cơ sở lịch trình công tác thực tế của từng chức danh được lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị và Ban quản lý dự án xác nhận.

c) Trường hợp khoán toàn bộ kinh phí (bao gồm: cả công đoạn đưa đón từ nơi ở đến nơi làm việc và khi đi công tác), mức khoán được xác định như sau:

Mức khoán toàn bộ (MKtb) (đồng/tháng)	=	Mức khoán đưa đón (MKđđ) (đồng/tháng)	+	Mức khoán đi công tác (MKct) (đồng/tháng)
---	---	---	---	---

2. Đối với các chức danh quy định tại Khoản 3, Khoản 4, Điều 3 Quy chế này tự túc phương tiện đi công tác (áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị và Ban quản lý dự án chưa được trang bị xe ô tô hoặc đã được trang bị xe nhưng trùng lịch công tác cơ quan không bố trí được xe hoặc cá nhân tự nguyện tự túc phương tiện đi công tác), được khoán kinh phí sử dụng xe ô tô theo từng chuyến công tác, cụ thể:

Mức khoán đi công tác (MKct) (đồng/chuyến)	=	Đơn giá khoán (đồng/km)	x	Khoảng cách thực tế của chuyến đi công tác (km)
---	---	-------------------------------	---	---

Trong đó: Khoảng cách thực tế của chuyến đi công tác là số km thực tế đi của chuyến công tác được xác định trên cơ sở kế hoạch công tác và được Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị và Ban quản lý dự án xác nhận.

Điều 9. Thuê dịch vụ xe ô tô phục vụ công tác

Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị và Ban Quản lý dự án chịu trách nhiệm trước quyết định của mình về việc thuê dịch vụ xe ô tô phục vụ công tác tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án như sau:

1. Trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị và Ban Quản lý dự án không bố trí được xe (bằng số xe hiện có) hoặc chưa được trang bị xe ô tô thì Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị và Ban Quản lý dự án chọn phương thức thuê xe ô tô phục vụ công tác của các tổ chức cung ứng dịch vụ phương tiện đi lại trên thị trường để phục vụ công tác cho các chức danh có tiêu chuẩn.

2. Giá thuê xe là đơn giá bình quân của phương tiện vận tải công cộng trên thị trường.

3. Việc thuê dịch vụ xe ô tô thực hiện theo quy định pháp luật về đấu thầu.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm của Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban quản lý dự án và cá nhân có liên quan

1. Thực hiện trang bị, bố trí, sử dụng xe ô tô phục vụ công tác, xe ô tô chuyên dùng theo đúng tiêu chuẩn, định mức do Nhà nước quy định; đảm bảo sử dụng xe đúng mục đích, hiệu quả và tiết kiệm.

2. Thực hiện xây dựng định mức tiêu hao nhiên liệu đối với từng xe ô tô; tổ chức hạch toán theo dõi chi phí sử dụng thực tế đối với từng xe bao gồm: tiền lương lái xe, chi phí nhiên liệu, chi phí sửa chữa xe (bao gồm cả chi phí sửa chữa lớn được phân bổ hợp lý) và các chi phí liên quan đến vận hành, sử dụng xe ô tô theo quy định. Căn cứ định mức tiêu hao nhiên liệu, chi phí sử dụng thực tế của xe ô tô, giá cho thuê xe ô tô trên thị trường và đơn giá khoán xe ô tô quy định tại Quy chế này để xây dựng Quy chế quản lý, sử dụng xe ô tô theo quy định tại Khoản 2, Điều 18 Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg.

3. Thực hiện báo cáo, kê khai, tình hình tăng, giảm xe ô tô theo định kỳ hoặc đột xuất theo đúng quy định về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

4. Thực hiện công khai việc quản lý, bố trí, sử dụng; công khai chi phí sử dụng, mức khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác, xe ô tô chuyên dùng theo quy định của pháp luật về công khai quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị và Ban quản lý dự án.

Điều 11. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện Quy chế này và các quy định về trang bị, quản lý, sử dụng xe ô tô phục vụ công tác, xe ô tô chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và Ban quản lý dự án thuộc tỉnh quản lý;

2. Chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải và các sở, ngành liên quan xác định và thông báo khung đơn giá khoán xe ô tô làm cơ sở cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án thực hiện. Khi đơn giá bình quân của phương tiện vận tải công cộng trên thị trường tăng, giảm trên 20% so với đơn giá khoán đã thông báo, Sở Tài chính thực hiện điều chỉnh cho phù hợp.

3. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc mua sắm mới, thu hồi, điều chuyển, thanh lý xe ô tô phục vụ công tác, xe ô tô chuyên dùng trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị và Ban Quản lý dự án theo quy định.

4. Rà soát, cập nhật và chuẩn hóa đầy đủ số liệu về tài sản là xe ô tô trên cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước.

5. Thực hiện công khai việc quản lý, sử dụng xe ô tô phục vụ công tác, xe ô tô chuyên dùng theo quy định của pháp luật về công khai quản lý sử dụng tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Điều 12. Xử lý vi phạm

1. Đối với việc quản lý, sử dụng xe ô tô không đúng quy định, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban quản lý dự án và cá nhân có liên quan phải chịu trách nhiệm; tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm và mức thiệt hại mà phải bồi thường thiệt hại, đồng thời bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

2. Người ra quyết định mua sắm xe ô tô không đúng thẩm quyền, không đúng tiêu chuẩn định mức, chủng loại, vượt giá quy định, vượt định mức bị thu hồi, phải bồi thường thiệt hại và tùy theo mức độ vi phạm bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật.

3. Người ra quyết định điều chuyển, bán, thanh lý xe ô tô không đúng thẩm quyền bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Điều khoản thi hành

1. Ngoài các quy định trên, việc quản lý và sử dụng xe ô tô tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị và Ban quản lý dự án được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 32/2015/QĐ -TTg, Thông tư số 159/2015/TT - BTC và các văn bản quy định khác có liên quan.

2. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị và Ban quản lý dự án kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. / *l*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



l
Lê Văn Nưng

